

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27-05-2019

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Sơ.

2. Ông Nguyễn Văn Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 30/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 05 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thanh X, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp N, xã T, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 07, ấp N, xã T, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 11/02/2019 và lời khai tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, nguyên đơn bà Trần Thanh X trình bày: Bà X và ông Nguyễn Thanh T chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Bà X và ông T không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay. Bà X yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Bà X và ông T chung sống có 02 con chung tên Nguyễn H, sinh ngày 03/05/2004; Nguyễn V, sinh ngày 19/9/2012. Khi ly hôn bà X đồng ý giao 02 con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và bà X không cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà X và ông T chung sống với nhau không có tài sản chung, không có nợ chung.

Theo bản tự khai 07/5/2019 và lời khai tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh T trình bày: Ông T hoàn toàn thống nhất với trình bày của bà X về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay bà Trần Thanh X xin ly hôn ông Nguyễn Thanh T đồng ý. ông T đồng ý nhận nuôi 02 con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà X cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan gồm 01 Giấy CMND tên Trần Thanh X (photo); 01 giấy khai sinh tên Nguyễn V, sinh ngày 19/9/2012, giới tính nữ (bản sao); 01 giấy khai sinh tên Nguyễn H, sinh ngày 03/5/2004, giới tính nữ (bản sao) và 01 Sổ hộ khẩu tên Nguyễn Thanh T (photo).

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đúng tư cách những người tham gia tố tụng; lập hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ; cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định tại Điều 70, Điều 51 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thanh X và ông Nguyễn Thanh T. Đề nghị giao 02 con chung tên Nguyễn H, sinh ngày 03/05/2004 và Nguyễn V, sinh ngày 19/9/2012 cho ông

Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; ghi nhận việc ông Nguyễn Thanh T không yêu cầu bà Trần Thanh X không phải cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

- Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thanh X tranh chấp ly hôn, nuôi con chung với ông Nguyễn Thanh T, bị đơn có nơi cư trú tại tổ 07, ấp N, xã T, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thanh X và ông Nguyễn Thanh T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Theo khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình “Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình”. Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không *đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*”. Như vậy trường hợp chung sống giữa bà X và ông T không thực hiện đúng quy định về đăng ký kết hôn theo pháp luật, do đó Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thanh X và ông Nguyễn Thanh T.

[4] Về con chung: Bà X và ông T chung sống có 02 con chung tên Nguyễn H, sinh ngày 03/05/2004 và Nguyễn V, sinh ngày 19/9/2012 hiện nay đang đi học và sống chung với ông Nguyễn Thanh T tại tổ 07, ấp N, xã T, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Trần Thanh X đồng ý giao 02 con

chung cho ông Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn H và bà X không phải cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh T đồng ý nhận nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà X cấp dưỡng, xét thấy ông T có công việc, thu nhập ổn định, có nơi ở ổn định nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, do đó HĐXX ghi nhận thỏa thuận giữa bà X và ông T về việc giao cả 02 con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không buộc bà X cấp dưỡng. Ông T phải đảm bảo quyền thăm nom con của bà X theo quy định pháp luật.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà X và ông T đều trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét

[7] Về án phí: Bà Trần Thanh X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thanh X và ông Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn H, sinh ngày 03/05/2004, giới tính nữ và Nguyễn V, sinh ngày 19/9/2012, giới tính nữ cho ông Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Ghi nhận việc ông Nguyễn Thanh T không yêu cầu bà Trần Thanh X cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Ông Nguyễn Thanh T và các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Trần Thanh X theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ: Bà Trần Thanh X và ông Nguyễn Thanh T trình bày không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Buộc bà Trần Thanh X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008893 ngày 06/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà, tỉnh Kiên Giang, nay bà X không phải nộp thêm.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự/.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP Hà Tiên;
- Chi cục THADS TP Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Huỳnh Thanh Phương

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP Hà Tiên;
- Chi cục THADS TP Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Huỳnh Thanh Phương